

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023

Tháng 03 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") để trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quốc Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trương Hữu Chí	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên
Ông Đỗ Văn Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Xuân Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đình Lân	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Bùi Toàn Thắng	Trưởng ban kiểm soát	
Bà Đinh Thị Huyền Trang	Thành viên	
Ông Lê Xuân Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/3/2023
Ông Đinh Trường Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2023

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Dương Thị Hà Bích.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh 28 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng: Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đoàn Văn Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Số: 473/2024/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30/3/2024, trình bày từ trang 06 đến trang 29 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của việc ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 19,3 tỷ đồng trên các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2023 là khoảng 22,8 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2023 là khoảng 35,5 tỷ đồng).. Chúng tôi không xác định được việc trích lập khoản dự phòng phải thu này vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2023 có phù hợp hay không cũng như có cần trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản công nợ quá hạn chưa được trích lập dự phòng hay không.

Tại thời điểm 31/12/2023, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ Phải thu khách hàng (mã số 131) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với giá trị 7,159 tỷ đồng. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế để có thể thu thập được các bằng chứng thích hợp để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị các khoản công nợ phải thu khách hàng chưa được đối chiếu này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của việc ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Tại thời điểm 31/12/2023, giá trị hàng tồn kho tồn đọng lâu ngày với giá trị khoảng 31 tỷ đồng (trong đó bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 27,5 tỷ đồng), Công ty chưa thực hiện phân tích, đánh giá hiện trạng chi tiết của các hợp đồng, dự án, sản phẩm, vật tư, hàng hóa này để xác định giá trị thuần có thể thực hiện được cũng như chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không thực hiện được. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được số dư, khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, giá trị thuần có thể thực hiện được của giá trị hàng tồn kho tồn đọng này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

Dự án Đổi mới công nghệ sản xuất trạm trộn bê tông không thể triển khai tiếp do không đủ vốn đối ứng, chi phí tư vấn lập dự án đổi mới công nghệ đến ngày 31/12/2023 với giá trị 1.500.000.000 đồng đang được theo dõi trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn". Chúng tôi không thu thập được các kế hoạch của Công ty liên quan đến việc phê duyệt xử lý Dự án không thực hiện tiếp này cũng như không đánh giá được khả năng thu hồi lợi ích trong tương lai hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số
0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:
1395-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		168.144.573.244	225.234.648.175
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	1.902.616.195	5.416.672.369
Tiền	111		526.905.592	2.716.672.369
Các khoản tương đương tiền	112		1.375.710.603	2.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.828.197.385	73.654.975.121
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	62.021.283.618	72.206.861.511
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.149.942.250	10.738.172.025
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	2.267.334.516	2.367.334.516
Các khoản phải thu khác	136	10	2.949.261.811	1.605.148.075
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(32.559.624.810)	(13.262.541.006)
Hàng tồn kho	140	11	128.019.203.289	144.476.314.348
Hàng tồn kho	141		128.019.203.289	144.476.314.348
Tài sản ngắn hạn khác	150		394.556.375	1.686.686.337
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	-	3.021.669
Thuế GTGT được khấu trừ	152		361.951.345	1.678.420.008
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	32.605.030	5.244.660
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68.748.704.864	72.615.403.000
Các khoản phải thu dài hạn	210		29.109.547.881	29.109.547.668
Phải thu dài hạn khác	216	10	29.109.547.881	29.109.547.668
Tài sản cố định	220		9.096.094.604	10.785.137.836
Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.968.094.604	10.627.137.836
- Nguyên giá	222		47.781.279.024	48.045.689.569
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.813.184.420)	(37.418.551.733)
Tài sản cố định vô hình	227	14	128.000.000	158.000.000
- Nguyên giá	228		3.698.068.098	3.698.068.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.570.068.098)	(3.540.068.098)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	13.300.856.411	14.822.622.545
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.676.842.911	3.898.609.045
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.924.013.500	10.924.013.500
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.300.000.000)	-
Tài sản dài hạn khác	260		17.242.205.968	17.898.094.951
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	17.242.205.968	17.898.094.951
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		236.893.278.108	297.850.051.175

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		134.206.705.520	171.430.805.591
Nợ ngắn hạn	310		95.416.461.942	132.080.592.743
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	20.377.330.763	32.232.021.004
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.852.540.886	23.785.019.453
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.078.020.195	1.596.476.955
Phải trả người lao động	314		4.501.443.179	4.493.576.945
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		971.409.907	1.104.127.636
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	7.620.915.623	11.213.821.309
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	18	47.066.375.877	56.963.097.957
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		948.425.512	692.451.484
Nợ dài hạn	330		38.790.243.578	39.350.212.848
Phải trả dài hạn khác	337	15	38.620.243.578	39.165.212.848
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	18	170.000.000	185.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102.686.572.588	126.419.245.584
Vốn chủ sở hữu	410	19	102.686.572.588	126.419.245.584
Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		16.200.000.000	16.200.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	10.793.442.327
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.750.424.186	17.117.096.984
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		28.183.730.189	15.102.800.072
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(15.433.306.003)	2.014.296.912
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		35.736.148.402	44.308.706.273
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		236.893.278.108	297.850.051.175

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích

Tổng Giám đốc



Lê Xuân Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	96.348.659.902	153.743.358.732
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		96.348.659.902	153.743.358.732
Giá vốn hàng bán	11	21	84.141.330.782	137.295.954.118
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.207.329.120	16.447.404.614
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	882.417.532	496.247.334
Chi phí tài chính	22	23	5.626.053.712	4.146.025.662
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.229.741.617	3.921.696.691
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		301.016.923	273.192.141
Chi phí bán hàng	25	24	499.816.917	541.744.313
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	27.779.649.648	7.890.387.507
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(20.514.756.702)	4.638.686.607
Thu nhập khác	31		569.389.450	10.158.714
Chi phí khác	32		658.113.237	1.667.357.481
Lợi nhuận khác	40		(88.723.787)	(1.657.198.767)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(20.603.480.489)	2.981.487.840
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.982.746	683.258.594
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(20.606.463.235)	2.298.229.246
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(15.433.306.003)	1.299.374.573
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(5.173.157.232)	998.854.673
Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(4.061)	225

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

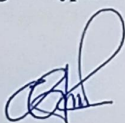
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(20.603.480.489)	2.981.487.840
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.424.632.687	1.819.278.477
Các khoản dự phòng	03		19.297.083.804	-
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.279.593)	682.121
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(472.701.434)	343.421.827
Chi phí lãi vay	06		4.229.741.617	3.921.696.691
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		3.873.996.592	9.066.566.956
Tăng giảm các khoản phải thu	09		18.264.897.947	26.105.831.272
Tăng giảm hàng tồn kho	10		16.457.111.059	(7.136.147.811)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(25.717.940.668)	(27.032.483.608)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		658.910.652	1.126.583.183
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13			
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.032.534.819)	(3.890.927.283)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(615.375.497)	(350.478.660)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(44.881.336)	(761.940.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		8.844.183.930	(2.872.995.951)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(319.680.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		210.000.000	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.533.060.000	272.670.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		409.142.383	488.706.402
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		2.152.202.383	441.696.402
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		67.297.377.650	124.304.124.355
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(77.209.099.730)	(117.475.004.458)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.900.000.000)	(1.900.000.000)
Cổ tức đã trả cho các cổ đông thiểu số	37		-	(1.380.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(11.811.722.080)	3.549.119.897
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		(815.335.767)	1.117.820.348
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7	2.716.672.369	4.299.534.142
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.279.593	(682.121)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7	1.902.616.195	5.416.672.369

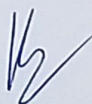
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng



Dương Thị Hà Bích

Ông Giám đốc



Lê Xuân Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp ("Công ty"), tiền thân là Xí nghiệp Sản xuất thiết bị xây dựng thuộc Công ty Kinh doanh Vật tư và Xây dựng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội. Công ty được chuyển đổi (Cổ phần hoá) từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 601/QĐ-BXD ngày 25/05/1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100947309 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05/05/2017.

Trụ sở chính: Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Kinh doanh trung tâm thể thao, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar);
- Lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp;
- Thiết kế chuyên giao công nghệ trong ngành máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và nhà xưởng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng; Sản xuất bê tông các loại;
- Chuyên giao công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp; Dịch vụ chuyên giao công nghệ; Tư vấn chuẩn bị dự án, lập dự án, tư vấn thực hiện dự án;
- Tư vấn điều hành quản lý dự án;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)

- Sản xuất, kinh doanh máy và thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản, môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Thiết kế kiến trúc, nội ngoại thất công trình; thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thiết kế hệ thống điều khiển công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống điện, lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng các loại công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông. Lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

2. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT

Công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỉ lệ sở hữu tại 31/12/2023 (%)	Trụ sở
1 Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE 1	60.000	54%	Lô đất 22 + 23 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội
2 Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	5.000	70,84%	Lô 22, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội
3 Viện cơ điện tử CIE	1.000	100%	Tầng 19 Tòa nhà GELEX số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

3. CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ÁNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có 01 công ty liên kết là

Công ty	Tỉ lệ sở hữu (%)	Trụ sở
Công ty Cổ phần 3B	28%	Tổ 18, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

4. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất này là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

5.1 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con, bao gồm:

- 1 Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1
- 2 Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2
- 3 Viện Cơ Điện tử CIE

Các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trên vốn chủ sở hữu.

Giá trị khoản mục đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

6. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

6.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

6.2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

6.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Tại thời điểm cuối năm, Công ty chưa xem xét trích lập đầy đủ các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

6.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình bao gồm: bản quyền, bằng sáng chế, và khoản chi phí đền bù, san lấp mặt bằng tại Khu Công nghiệp Quang Minh. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Bản quyền, bằng sáng chế	05
Tài sản cố định vô hình khác	05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 09
Tài sản cố định khác	04

6.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Giá trị khoản mục đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các đơn vị phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THIỆT MÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (VỀ P)*Các thuật ngữ này là từ phần hợp nhất và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***6.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí được để lại phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng: Tiền thuê để trả thuê đất được trả trước cho nhà hệ thời gian thuê. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác: Bao gồm giữ nợ công vụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí sửa chữa hoàn thiện văn phòng và các chi phí khác, được coi là có thể được đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa được tính thuế các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

6.9 CHI SẴN ĐOANH THUẾ, CHẢ VỐN

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính dùng kỹ kế toán.

6.10 NGOẠI TỆ

Trong năm 2023, việc xử lý chênh lệch tỷ giá đối với các khoản mục tiền tệ được Công ty áp dụng như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính, thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Cuối năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.
- Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

6.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Các khoản vay của công ty trong năm gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6.12 THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Riêng đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIEI được chứng nhận là doanh nghiệp khoa học công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 09/DNKHCN ngày 28/08/2012 do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ doanh thu của các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ (doanh thu sản phẩm khoa học công nghệ đạt từ 70% tổng doanh thu trở lên) và được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp khoa học công nghệ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

6.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, các Công ty liên doanh liên kết, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	210.763.931	121.765.374
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	316.141.661	2.594.906.995
- Các khoản tương đương tiền	1.375.710.603	2.700.000.000
	1.902.616.195	5.416.672.369

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	62.021.283.618	72.206.861.511
- Công ty CP Viện máy và Dụng cụ Công nghiệp	2.962.109.000	2.962.109.000
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC)	-	1.887.942.000
- Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất A&D Việt Nam	1.700.000.000	2.300.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phát triển Việt Tiệp	2.880.000.000	5.332.704.000
- Công ty TNHH Hitachi Energy Việt Nam	4.651.104.521	4.244.360.536
- Các khách hàng khác	49.828.070.097	55.479.745.975
Dài hạn	-	-
	62.021.283.618	72.206.861.511
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 26)	-	2.087.942.000

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	-	3.021.669
- Các khoản khác	-	3.021.669
Dài hạn	17.242.205.968	17.898.094.951
- Chi phí thuê văn phòng dài hạn	7.962.361.091	8.183.933.091
- Trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng	2.576.913.684	2.709.069.840
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	78.330.727	221.194.465
- Nghiên cứu đổi mới khoa học công nghệ (*)	1.500.000.000	1.500.000.000
- Chi phí nghiên cứu thiết kế sản phẩm mới	3.402.949.205	3.402.949.205
- Các khoản khác	1.721.651.261	1.880.948.350
	17.242.205.968	17.901.116.620

(*): Chi phí tư vấn lập Dự án Đổi mới công nghệ sản xuất trạm trộn bê tông không thể triển khai tiếp do không đủ vốn đối ứng.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.949.261.811	-	1.605.148.075	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	40.182.750	-	-	-
- Tạm ứng cho người lao động	675.373.000	-	495.437.333	-
- Thuế GTGT để nghị hoàn	1.381.338.651	-	-	-
- Phải thu khác	852.367.410	-	1.109.710.742	-
Cho vay ngắn hạn	2.267.334.516	-	2.367.334.516	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà (CIE-CMC-SDVĐ)	2.167.334.516	-	2.167.334.516	-
- Các đối tượng khác	100.000.000	-	200.000.000	-
Dài hạn	29.109.547.881	-	29.109.547.668	-
- Các khoản phải thu về dự án Nhân Chính	29.109.513.548	-	29.109.513.548	-
- Phải thu khác	34.333	-	34.120	-
	34.326.144.208	-	33.082.030.259	-

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	5.403.936.710	-	16.228.921.785	-
- Công cụ, dụng cụ	45.405.000	-	50.774.500	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	121.488.832.015	-	124.467.997.590	-
- Hàng hoá	1.081.029.564	-	3.728.620.473	-
	128.019.203.289	-	144.476.314.348	-

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
 Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ									
01/01/2023	30.877.857.685	11.146.450.814	5.342.244.679	679.136.391	48.045.689.569				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(264.410.545)	-	(264.410.545)				
31/12/2023	<u>30.877.857.685</u>	<u>11.146.450.814</u>	<u>5.077.834.134</u>	<u>679.136.391</u>	<u>47.781.279.024</u>				
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ									
01/01/2023	23.316.678.311	9.363.248.029	4.138.840.557	599.784.836	37.418.551.733				
- Khấu hao trong năm	835.856.008	467.342.984	73.807.432	17.626.263	1.394.632.687				
31/12/2023	<u>24.152.534.319</u>	<u>9.830.591.013</u>	<u>4.212.647.989</u>	<u>617.411.099</u>	<u>38.813.184.420</u>				
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
01/01/2023	<u>7.561.179.374</u>	<u>1.783.202.785</u>	<u>1.203.404.122</u>	<u>79.351.555</u>	<u>10.627.137.836</u>				
31/12/2023	<u>6.725.323.366</u>	<u>1.315.859.801</u>	<u>865.186.145</u>	<u>61.725.292</u>	<u>8.968.094.604</u>				

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 23.292.830.890 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 22.463.312.997 đồng)

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là: 4.101.231.871 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 7.244.885.539 đồng)

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN****Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh**

- Công ty CP 3B

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	PP Vốn CSH	Giá gốc	PP Vốn CSH
	VND	VND	VND	VND
	3.500.000.000	3.676.842.911	3.500.000.000	3.898.609.045
	3.500.000.000	3.676.842.911	3.500.000.000	3.898.609.045

31/12/2023

Giá gốc	Số lượng
VND	Cổ phần
10.924.013.500	267.885
5.652.373.500	487.000
4.870.000.000	22.500
352.500.000	4.914
49.140.000	-

Đầu tư vào đơn vị khác

- Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ Công nghiệp
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà CIE-CMC-SĐVĐ
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển CCV

01/01/2023

Giá gốc	Số lượng
VND	Cổ phần
10.924.013.500	267.885
5.652.373.500	487.000
4.870.000.000	22.500
352.500.000	4.914
49.140.000	-

Giá gốc	Số lượng
VND	Cổ phần
10.924.013.500	267.885
5.652.373.500	487.000
4.870.000.000	22.500
352.500.000	4.914
49.140.000	-

Dự phòng	Số lượng
VND	Cổ phần
1.300.000.000	267.885
1.137.982.018	487.000
162.017.982	22.500
-	4.914
-	-

Dự phòng	Số lượng
VND	Cổ phần
1.300.000.000	267.885
1.137.982.018	487.000
162.017.982	22.500
-	4.914
-	-

Dự phòng	Số lượng
VND	Cổ phần
1.300.000.000	267.885
1.137.982.018	487.000
162.017.982	22.500
-	4.914
-	-

Dự phòng	Số lượng
VND	Cổ phần
1.300.000.000	267.885
1.137.982.018	487.000
162.017.982	22.500
-	4.914
-	-

Dự phòng	Số lượng
VND	Cổ phần
1.300.000.000	267.885
1.137.982.018	487.000
162.017.982	22.500
-	4.914
-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Bản quyền	Phần mềm	TSCD	Tổng cộng
	bằng sáng chế VND	máy vi tính VND	vô hình khác VND	VND
Nguyên giá TSCD vô hình				
01/01/2023	700.000.000	300.000.000	2.698.068.098	3.698.068.098
31/12/2023	<u>700.000.000</u>	<u>300.000.000</u>	<u>2.698.068.098</u>	<u>3.698.068.098</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2023	700.000.000	142.000.000	2.698.068.098	3.540.068.098
- Khấu hao trong năm	-	30.000.000	-	30.000.000
31/12/2023	<u>700.000.000</u>	<u>172.000.000</u>	<u>2.698.068.098</u>	<u>3.570.068.098</u>
Giá trị còn lại của TSCD vô hình				
01/01/2023	-	158.000.000	-	158.000.000
31/12/2023	-	<u>128.000.000</u>	-	<u>128.000.000</u>

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 3.398.068.098 đồng.

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	7.620.915.623	11.213.821.309
- Kinh phí công đoàn	695.074.520	841.644.500
- Bảo hiểm xã hội	2.751.563.004	2.309.362.009
- Bảo hiểm y tế	37.779.300	51.399.585
- Bảo hiểm thất nghiệp	16.269.400	21.800.450
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	99.920.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.380.000.000	1.925.080.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.640.309.399	6.064.534.765
Dài hạn	38.620.243.578	39.165.212.848
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	544.969.270
- Dự án Nhà chung cư Nhân chính - Thanh Xuân	38.620.243.578	38.620.243.578
+ Công ty CP Đầu tư và PT nhà CIE-CMC-SĐVD	22.170.243.578	22.170.243.578
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà - Việt Đức	16.450.000.000	16.450.000.000
	<u>46.241.159.201</u>	<u>50.379.034.157</u>
Phải trả khác là bên liên quan	-	7.119.003.823

(Chi tiết tại thuyết minh số 26)

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	20.377.330.763	20.377.330.763	32.232.021.004	32.232.021.004
- Công ty Cổ phần 3B	1.264.403.250	1.264.403.250	2.020.734.924	2.020.734.924
- Công ty TNHH TM & XL Điện Việt Nhật	590.307.400	590.307.400	1.983.084.120	1.983.084.120
- Công ty TNHH SX DV & TM thép Việt Anh	2.653.414.524	2.653.414.524	2.503.515.031	2.503.515.031
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	800.728.357	800.728.357	1.034.982.095	1.034.982.095
- Công ty TNHH Kim khí Chương Dương	1.138.135.528	1.138.135.528	3.657.139.450	3.657.139.450
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Z179	1.290.977.700	1.290.977.700	1.299.398.000	1.372.175.640
- Các đối tượng khác	12.639.364.004	12.639.364.004	19.733.167.384	19.733.167.384
Dài hạn	-	-	-	-
	20.377.330.763	20.377.330.763	32.232.021.004	32.232.021.004
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.264.403.250	1.264.403.250	2.020.734.924	2.020.734.924

Phải trả người bán là các bên liên quan*(Chi tiết tại thuyết minh số 26)*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	1.596.476.955	6.376.376.190	6.894.832.950	27.360.370	1.078.020.195	
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	801.280.149	6.001.728.923	5.872.201.407	5.244.660	930.807.665	
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	27.040.245	27.040.245	-	-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	652.935.478	2.982.746	655.918.224	-	-	
- Thuế thu nhập cá nhân	142.261.328	236.413.647	231.462.445	-	147.212.530	
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	97.210.629	97.210.629	-	-	
- Các loại thuế, phí khác	-	11.000.000	11.000.000	-	-	
Phải thu	5.244.660	-	27.360.370	5.244.660	32.605.030	
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	-	-	5.244.660	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.244.660	-	22.115.710	-	27.360.370	

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	47.066.375.877	47.066.375.877	67.297.377.650	77.194.099.730	56.963.097.957	56.963.097.957
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	-	-	-	6.931.460.000	6.931.460.000	6.931.460.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình (1)	38.611.875.877	38.611.875.877	63.497.377.650	63.671.639.730	38.786.137.957	38.786.137.957
- Vay các cá nhân (2)	8.454.500.000	8.454.500.000	3.800.000.000	6.591.000.000	11.245.500.000	11.245.500.000
+ Tại CIE 1	8.127.000.000	8.127.000.000	3.800.000.000	2.430.000.000	6.757.000.000	6.757.000.000
+ Tại Kim Hoa	-	-	-	4.161.000.000	4.161.000.000	4.161.000.000
+ Tại Viện cơ điện tử CIE	327.500.000	327.500.000	-	-	327.500.000	327.500.000
Vay dài hạn	170.000.000	170.000.000	-	15.000.000	185.000.000	185.000.000
- Vay các cá nhân (3)	170.000.000	170.000.000	-	15.000.000	185.000.000	185.000.000
+ Tại CIE 1	170.000.000	170.000.000	-	15.000.000	185.000.000	185.000.000
	47.236.375.877	47.236.375.877	67.297.377.650	77.209.099.730	57.148.097.957	57.148.097.957

(1): Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/13117513/HĐTD ngày 26/09/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình với Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 ("CIE1"), hạn mức cho vay theo Hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 50.000.000.000 VND, Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng; Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành được ký kết giữa Ngân hàng và Khách hàng. Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ NQ17-32, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 999307, số vào sổ cấp GCN: CS 61857 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 14/12/2018 chủ sở hữu là Ông Tạ Đình Lân - Tổng Giám đốc của CIE1 kiểm tra Tổng giám đốc của Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp.

(2): Các khoản vay với các cá nhân có thời hạn và lãi suất quy định cụ thể theo từng hợp đồng.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư	Vốn khác của	Quý đầu tư	Lợi nhuận	Lợi ích cổ đông	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	chủ sở hữu	phát triển	sau thuế chưa phân phối	không kiểm soát	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	38.000.000.000	16.200.000.000	10.793.442.327	18.016.472.378	43.309.851.600	126.319.766.305
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	1.299.374.573	998.854.673	2.298.229.246
- Chia cổ tức tại Công ty mẹ	-	-	-	(1.900.000.000)	-	(1.900.000.000)
- Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(394.800.000)	-	(394.800.000)
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	96.050.033	-	96.050.033
31/12/2022	38.000.000.000	16.200.000.000	10.793.442.327	17.117.096.984	44.308.706.273	126.419.245.584
01/01/2023	38.000.000.000	16.200.000.000	10.793.442.327	17.117.096.984	44.308.706.273	126.419.245.584
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(15.433.306.003)	(5.173.157.232)	(20.606.463.235)
- Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	(10.793.442.327)	10.793.442.327	-	-
- Thù lao Hội đồng Quản trị (*)	-	-	-	(394.800.000)	-	(394.800.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(50.000.000)	(300.000.000)	(350.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.380.000.000)	(1.380.000.000)
- Thanh lý Công ty con	-	-	-	(428.192.502)	(1.881.400.639)	(2.309.593.141)
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	1.146.183.380	162.000.000	1.308.183.380
31/12/2023	38.000.000.000	16.200.000.000	-	12.750.424.186	35.736.148.402	102.686.572.588

(*): Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 57/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 30/03/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XD VÀ TB CÔNG NGHIỆP

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***19.2. CỔ PHIẾU**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

19.3. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	79.532.359.670	120.968.107.627
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.310.454.732	32.290.571.741
- Doanh thu bán phế liệu	505.845.500	484.679.364
	<u><u>96.348.659.902</u></u>	<u><u>153.743.358.732</u></u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	72.801.933.972	109.693.716.235
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.339.396.810	27.554.085.282
- Giá vốn bán phế liệu	-	48.152.601
	<u><u>84.141.330.782</u></u>	<u><u>137.295.954.118</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	60.711.186	59.564.512
- Lãi bán các khoản đầu tư	336.807.498	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	75.182.750	58.066.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	408.436.505	378.616.822
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.279.593	-
	882.417.532	496.247.334

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay	4.229.741.617	3.921.696.691
- Dự phòng tổn thất đầu tư	1.300.000.000	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	146.052.339
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	56.312.095	77.594.511
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	682.121
- Chi phí tài chính khác	40.000.000	-
	5.626.053.712	4.146.025.662

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.779.649.648	7.890.387.507
- Nhân viên quản lý	2.727.884.582	3.766.896.874
- Chi phí vật liệu quản lý	582.924.049	905.940.231
- Chi phí đồ dùng Văn phòng	174.411.587	164.111.595
- Chi phí khấu hao TSCĐ	248.994.332	481.615.718
- Thuế, phí lệ phí khác	108.930.629	119.631.724
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.000.005.095	2.001.287.326
- Chi phí dự phòng	19.297.083.804	-
- Chi phí khác bằng tiền	2.639.415.570	450.904.039
Chi phí bán hàng	499.816.917	541.744.313
- Chi phí bảo hành sản phẩm	470.416.917	541.744.313
- Chi phí bán hàng khác	29.400.000	-
	28.279.466.565	8.432.131.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.433.306.003)	1.299.374.573
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(444.800.000)
+ Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (*)	-	(394.800.000)
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(50.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(15.433.306.003)	854.574.573
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.800.000	3.800.000
Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(4.061)	225

(*) Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 57/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/03/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 được trình bày lại là 225 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày là 342 đồng/cổ phiếu).

26. THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN

26.1 MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

STT	Đối tượng	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần 3B	Công ty liên kết
2	Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC)	Chủ tịch HĐQT của Công ty là Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT của CMC

26.2 GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng từ bên liên quan	370.584.500	1.037.133.000
- Công ty Cổ phần 3B	370.584.500	1.037.133.000
Nhận lợi nhuận, cổ tức được chia	40.182.750	4.500.000
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC)	-	4.500.000
- Công ty CP Viện máy và Dụng cụ công nghiệp	40.182.750	-

26.3 SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng	-	1.887.942.000
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC)	-	1.887.942.000
Phải trả người bán	1.264.403.250	2.020.734.924
- Công ty Cổ phần 3B	1.264.403.250	2.020.734.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

26.4 THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

	Năm 2023	Năm 2022	
	VND	VND	
Hội đồng quản trị	261.000.000	468.000.000	
- Ông Lê Quốc Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	72.000.000	144.000.000
- Ông Trương Hữu Chí	Thành viên Hội đồng quản trị	54.000.000	108.000.000
- Ông Tạ Đình Lân	Thành viên Hội đồng quản trị	54.000.000	108.000.000
- Ông Đỗ Văn Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị	27.000.000	-
- Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	54.000.000	108.000.000
Ban Tổng Giám đốc	124.210.000	-	
- Ông Lê Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	124.210.000	-

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí chế tạo, đồng thời các hoạt động này diễn ra ở Việt Nam nên Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận.

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024 số 16/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp, Đại Hội đồng Cổ đông quyết định thông qua việc hủy tư cách công ty đại chúng, hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch UPCOM và hủy đăng ký chứng khoán sau khi Công ty hủy tư cách công ty đại chúng.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán của Công ty.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích

Tổng Giám đốc



Ông Lê Xuân Thắng